

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2019/DS-PT
Ngày 07 tháng 11 năm 2019
V/v “*Tranh chấp liên quan đến
Tài sản cưỡng chế thi hành án*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Việt Tiến

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Trường Sơn
Bà Lê Thị Thu Huyền

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Anh Quang - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ: Bà Nguyễn Thị Long Hà -
Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 07 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2019/TLPT - DS ngày 04/10/2019 về “Tranh chấp liên quan đến tài sản cưỡng chế thi hành án”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2019/DS-ST ngày 22/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Phú Thọ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2019/QĐ-PT ngày 14/10/2019 giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1964

Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1958

(Ông T ủy quyền cho bà L theo văn bản ủy quyền ngày 10/12/2018)

Địa chỉ: Khu 10 Thị trấn H, huyện H, tỉnh Phú Thọ

2- Bị đơn: Anh Nguyễn Đức Đ, sinh năm 1979

Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1984

Địa chỉ: Khu 10 Thị trấn H, huyện H, tỉnh Phú Thọ

3- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Phú Thọ do ông Hoàng Văn O - Chức vụ: Chấp hành viên là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 15/3/2019)

- Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1982. Địa chỉ: Khu 10, thị trấn H, huyện H, tỉnh Phú Thọ. Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Xuân T, sinh năm 1952. Địa chỉ: Số nhà 32, tổ 15A, khu 6 phường C, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. (Văn bản ủy quyền ngày 03/01/2019)

4- Người làm chứng: Ông Nguyễn Đức N, sinh năm 1960

Địa chỉ: Khu 1, thị trấn H, huyện H, tỉnh Phú Thọ

Hiện công tác tại UBND Thị trấn H, huyện H, tỉnh Phú Thọ

Người kháng cáo: Ông Trần Xuân T là đại diện theo ủy quyền của chị P.

(Ông T, ông O có mặt, bà L xin xử vắng mặt, anh Đ, chị T vắng mặt, ông N xin xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, bà Hoàng Thị

L trình bày: Do làm ăn thua lỗ, ngày 27/3/2013 anh Nguyễn Đức Đ và chị Nguyễn Thị T đã làm hợp đồng chuyển nhượng cho bà thửa đất thổ cư diện tích 56m² và một căn nhà trên đất thuộc thửa số 24-1, tờ bản đồ số 20 tại khu 10, thị trấn H, huyện H, tỉnh Phú Thọ với giá là 600.000.000đ, hợp đồng chuyển nhượng viết tay và được ông Nguyễn Đức N - Chủ tịch UBND Thị trấn H, Huyện H tại thời điểm đó xác nhận và đóng dấu. Bà đã trả đủ tiền, vợ chồng anh chị T Đ cũng đã bàn giao nhà và đất cho bà. Do phải vay một khoản tiền lớn để trả cho anh chị T Đ nên bà đã thế chấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất của vợ chồng bà và giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất của vợ chồng anh chị T Đ tại Ngân hàng nông nghiệp huyện H để vay tiền. Bà đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Ngân hàng và hiện nay đã thanh toán xong khoản vay của Ngân hàng. Bà cũng đã nhiều lần yêu cầu anh chị T Đ làm thủ tục theo quy định của pháp luật nhưng do chưa có điều kiện để chuyển đổi và cũng do điều kiện vợ chồng bà ốm đau nên cả hai bên chưa thực hiện việc kê khai với Nhà nước. Ngày 26/10/2018 Chi cục Thi hành án dân sự huyện H tiến hành kê biên thửa đất và ngôi nhà anh Đ, chị T đã chuyển nhượng cho bà để đảm bảo nghĩa vụ thi hành khoản tiền 281.000.000đ mà chị T phải có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị P theo bản án số: 02/2018/DSST ngày 15/01/2018 của TAND huyện H. Quyết định kê biên, cưỡng chế tài sản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H đối với ngôi nhà và thửa đất bà đã mua của anh Đ, chị T là trái với quy định của pháp luật. Nay bà yêu cầu TAND huyện giải quyết xác định ngôi nhà cấp 4 hai tầng, các công trình phụ và 56m² đất thuộc thửa đất số 24-1, tờ bản đồ số 20 tại khu 10, thị trấn H, huyện H thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà. Buộc anh Nguyễn Đức Đ và chị Nguyễn Thị T tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng nhà và đất thổ cư được lập ngày 27/3/2013 và hoàn thiện thủ tục theo quy định của pháp luật về đất đai. Yêu cầu Tòa án hủy quyết định kê biên, cưỡng chế của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H đối với ngôi nhà cấp 4 hai tầng, các công trình phụ thuộc thửa đất số 24-1, tờ bản đồ số 20, diện tích 56m² tại khu 10, thị trấn H, huyện H, tỉnh Phú Thọ.

- Chị Nguyễn Thị T trình bày: Do vợ chồng có nợ tiền vay của Ngân hàng và một số cá nhân khác nên vào năm 2013 vợ chồng chị thống nhất chuyển nhượng căn nhà và đất tại khu 10 Thị trấn H, huyện H cho mẹ chị là bà Hoàng Thị L, với

giá là 600.000.000đ. Bà L đã giao đủ tiền cho vợ chồng chị trước để vợ chồng chị trả tiền vay tại Ngân hàng và lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra để làm hợp đồng chuyển nhượng. Ngày 27/3/2013 vợ chồng chị cùng bà L đến UBND Thị trấn H, huyện H lập hợp đồng chuyển nhượng và đã được UBND Thị trấn H, huyện H xác nhận. Do bà L cũng vay tiền của người khác với lãi suất cao, để có đủ tiền giao cho vợ chồng chị nên sau khi lập hợp đồng chứng thực xong bà L và vợ chồng chị chưa làm thủ tục sang tên mà cùng ngày vợ chồng chị làm thủ tục vay lại của Ngân hàng để bà L có tiền trả tiền nợ và thế chấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ngân hàng. Vợ chồng chị chỉ đứng tên vay còn việc trả tiền vay của Ngân Hàng và trả lãi do bà L tự thực hiện với ngân hàng. Căn nhà trên vợ chồng cũng đã bàn giao cho bà L quản lý từ 26/6/2013. Do chưa tìm được chỗ ở nên vợ chồng chị có mượn nhà để ở. Ngày 26/10/2018 Chi cục thi hành án dân sự huyện H đã tiến hành kê biên nhà và đất để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án đối với khoản nợ của chị nhưng tài sản này đã không còn là của vợ chồng chị mà thuộc quyền sử dụng của bà Hoàng Thị L. Nay vợ chồng chị đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị L, đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng nhà và đất được lập ngày 27/3/2013.

- Đại diện theo ủy quyền của Chi cục THADS huyện H, ông Hoàng Văn

O trình bày: Theo Quyết định của bản án số: 02/2018/DSST ngày 15/01/2018 của TAND huyện H, chị Nguyễn Thị T phải trả cho chị Nguyễn Thị P số tiền đã vay là 281.000.000đ, phải trả lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả và 14.050.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bản án có hiệu lực pháp luật, ngày 08/3/2019 ông Trần Xuân T là người đại diện theo ủy quyền của chị P gửi đơn yêu cầu thi hành khoản tiền trên. Sau khi xem xét đơn và các văn bản, tài liệu kèm theo đã thụ lý và ra Quyết định thi hành án số: 12/QĐ - CCTHADS ngày 09/12/2018 và tiến hành giao Quyết định cho chị Nguyễn Thị T theo quy định. Hết thời gian tự nguyện thi hành án chị T không thi hành khoản tiền trên, ông tiến hành báo gọi để giải quyết. Tại biên bản ngày 27/3/2019 chị T đồng ý với quyết định của bản án và không có thắc mắc gì, do điều kiện kinh tế gia đình hiện gặp khó khăn, không có việc làm, không có thu nhập do vậy chưa có tiền để thi hành. Ông giải thích cho chị T về việc chấp hành bản án và về việc kê biên nhà ở theo quy định tại Điều 95 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi bổ sung năm 2014). Ngày 26/4/2018 ông cùng chính quyền địa phương đến tại gia đình chị T để giải quyết. Chị T vắng mặt, anh Đ là chồng chị T trình bày toàn bộ tài sản của gia đình đã làm giấy chuyển nhượng cho bà Hoàng Thị L là mẹ đẻ chị T từ ngày 16/02/2013, đã được Chủ tịch UBND Thị trấn H ký xác nhận và cung cấp 01 giấy chuyển nhượng nhà và đất thổ cư ngày 16/2/2013 có xác nhận của UBND Thị trấn H (Bản phô tô), 01 giấy chứng nhận cho mượn bìa đỏ, 01 giấy chứng nhận cho

mượn nhà đất (không có xác nhận, bản pho tô) giữa bà L và vợ chồng anh Đ, chị T. Ngày 26/4/2018 và ngày 02/5/2018 xác minh tại UBND Thị trấn H và phòng Tài nguyên - Môi trường huyện H: vợ chồng chị T có 01 nhà xây 2 tầng (kiểu nhà ống) trên diện tích đất ở là 56m² thuộc thửa đất số 24-1, tờ bản đồ số 20, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BL853510 đứng tên chủ hộ anh Nguyễn Đức Đ được UBND huyện H cấp ngày 09/8/2012 tại khu 10 Thị trấn H, huyện H. Qua xác minh thấy chị T có điều kiện thi hành án nhưng cố tình không thi hành nhằm kéo dài việc giải quyết của Cơ quan Thi hành án. Do đó ngày 05/7/2018, Chi cục Thi hành án dân sự huyện H ra quyết định cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản để đảm bảo thi hành án. Ngày 01/11/2018, Chi cục Thi hành án dân sự huyện H có thông báo số: 59/TB - CCTHA gửi cho bà Hoàng Thị L khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện H theo Điều 75 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi bổ sung năm 2014). Tại phiên tòa, đại diện Chi cục Thi hành án dân sự huyện H khẳng định: Việc tổ chức thi hành án đối với chị Nguyễn Thị T, Chi cục Thi hành án dân sự huyện H đã tổ chức thi hành án đúng theo quy định của pháp luật, đồng thời đảm bảo quyền khởi kiện khi có tranh chấp về tài sản. Nay Chi cục Thi hành án dân sự huyện H đề nghị Tòa án nhân dân huyện H xem xét và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho người được thi hành án.

Đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị P là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Trần Xuân T trình bày: Năm 2013, 2014 chị Nguyễn Thị T ở khu 10 Thị trấn H đã 11 lần vay tiền của chị P, tổng số tiền vay là 281.000.000đ. Do không trả tiền đúng hạn nên năm 2017 chị P khởi kiện vụ án tại Tòa án nhân dân huyện H. Tại bản án số: 02/2018/DSST ngày 15/01/2018 quyết định buộc chị Nguyễn Thị T phải trả cho chị P số tiền gốc là 281.000.000đ và tiền lãi chậm trả. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông là người đại diện theo ủy quyền có đơn yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự huyện H thi hành bản án trên. Mặc dù có tài sản và điều kiện thi hành án nhưng chị T cố tình không thi hành. Trong khi chuẩn bị đưa tài sản ra bán đấu giá công khai để thi hành án thì vợ chồng bà Hoàng Thị L đã làm đơn khởi kiện đến TAND huyện H để tranh chấp tài sản và đã được TAND huyện H thụ lý vụ án. Phải khẳng định rằng toàn bộ diện tích đất 56 m² tại thửa đất số 24-1, tờ bản đồ số 20 tại khu 10, thị trấn H và tài sản gắn liền với đất là tài sản thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của vợ chồng anh Đ, chị T. Đề nghị TAND huyện H không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị L và xác định toàn bộ tài sản do Chi cục Thi hành án dân sự huyện H đã kê biên thuộc quyền sở hữu của vợ chồng chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Đức Đ.

Người làm chứng, ông Nguyễn Đức N trình bày: Ngày 27/3/2013 hộ gia đình anh Nguyễn Đức Đ, chị Nguyễn Thị T cùng bà Hoàng Thị L đã đến UBND Thị trấn H làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa số 24-1, tờ bản đồ

số 20, diện tích 56m² tại khu 10 Thị trấn H, huyện H. Sau khi nghe cán bộ chuyên môn báo cáo, kiểm tra thực tế thì diện tích nói trên là tài sản hợp pháp của anh Đ, chị T, không có tranh chấp. Ông đã xác nhận trong hợp đồng chuyển nhượng và yêu cầu hộ gia đình lập hồ sơ theo quy định của Luật đất đai. Ông công nhận hợp đồng lập ngày 27/3/2013 giữa vợ chồng chị T, anh Đ và bà L có xác nhận và chữ ký là của ông.

Tại bản án số: 03/2019/DS-ST ngày 22/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Phú Thọ đã quyết định:

Căn cứ khoản 1, 2 điều 132, điều 129, điều 500, khoản 1 điều 688 – BLDS 2015; khoản 12 điều 26, khoản 1 điều 147, khoản 1 điều 228 – BLTTDS; khoản 1 điều 75 Luật THADS; khoản 1 điều 188 Luật đất đai 2013; khoản 2 điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị L.

Xác định diện tích đất 56m² tại thửa số 24-1, tờ bản đồ số 20 – Khu 10 Thị trấn H, huyện H, tỉnh Phú Thọ (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL BL853510 do UBND huyện H cấp ngày 09/8/2012 đứng tên chủ hộ Nguyễn Đức Đ) và 01 ngôi nhà xây cấp 4 hai tầng cùng công trình phụ tọa lạc trên đất thuộc quyền sử dụng và sở hữu của bà Hoàng Thị L.

Các bên đương sự có nghĩa vụ kê khai với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Hoàng Thị L khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đức Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Hoàn trả cho bà Hoàng Thị L 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số: AA/2016/0003686 ngày 14/12/2018 tại Chi cục THADS huyện H.

Ngày 03/9/2019 ông Trần Xuân T đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị P kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm. Nội dung:

Thẩm phán chủ tọa không công minh, không khách quan, cố tình vi phạm tố tụng. Cụ thể là:

Thứ nhất, ngày 03/01/2019 ông đã làm đơn yêu cầu độc lập nhưng thẩm phán lại không đưa ông vào tố tụng với tư cách là người có yêu cầu độc lập, nếu không chấp nhận thì cũng phải thông báo nhưng không thông báo - vi phạm điều 201 Bộ luật tố tụng dân sự.

Thứ hai, Sau khi xem xét hồ sơ cho thấy:

Một là, vụ án thụ lý từ 19/12/2018 nhưng đến ngày 24/7/2019 mới đưa ra xét xử, thẩm phán cố tình ngâm án quá lâu; Chánh án không gia hạn thời hạn xét xử - Vi phạm điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Thẩm phán phù phép hợp lý hóa về việc trễ quá thời hạn xét xử, ngày 17/5/2019 bà Thẩm phán ngụy tạo ra quyết định đưa vụ án

ra xét xử vào ngày 30/5/2019, quyết định không gửi cho ông, sau đó ngày 31/5/2019 lại ra quyết định hoãn phiên tòa, ngày 14/6/2019 lại ra thông báo mở lại phiên tòa cũng chỉ lưu hồ sơ không gửi cho ông, ngày 10/7/2019 lại thông báo mở lại phiên tòa vào ngày 24/7/2019. Việc làm này vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng quy định tại điều 170, 171, 172 và điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

Hai là, Ngày 03/5/2019 Thẩm phán ra quyết định xem xét, thẩm định tại chỗ vào ngày 06/5/2019 nhưng không thông báo cho ông - vi phạm điều 101 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ba là, Thẩm phán không thực hiện định giá tài sản, thẩm định giá - vi phạm điều 104 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bốn là, Ông đã yêu cầu bà L nộp chứng cứ gốc để ông yêu cầu giám định tuổi mực nhưng thẩm phán làm ngơ không thu giữ. Tại phiên tòa ông đề nghị ngừng phiên tòa để giám định tuổi mực của hợp đồng chuyển nhượng nhưng không được chấp nhận - vi phạm điều 214 Bộ luật tố tụng dân sự.

Thứ ba: Do thiếu khách quan nên Hội đồng xét xử không căn cứ vào sự thật, không căn cứ vào các quy định tại điều 188 của Luật đất đai, Điều 1 Thông tư liên tịch số 15 ngày 04/4/2015 của Bộ tài nguyên môi trường, bộ nội vụ, bộ tài chính, không căn cứ điều 18 thông tư số 24 của bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện luật đất đai 2013.

Thửa đất số 24-1 là tài sản hợp pháp của anh Đ, chị T. Việc hai bên làm giấy chuyển nhượng cho nhau là ngụy tạo, nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành án, nhưng Hội đồng xét xử bất tuân pháp luật, cố tình bao che, phụ họa để họ tiếp tục gây thiệt hại về quyền và lợi ích hợp pháp của người được thi hành án.

Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm theo quy định tại điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa:

Ông T giữ nguyên nội dung kháng cáo và trình bày những căn cứ kháng cáo và đề nghị hủy bản án sơ thẩm. Ông O đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật (Nội dung lời trình bày của ông T và ông O chi tiết tại biên bản phiên tòa).

Kiểm sát viên đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm (Nội dung chi tiết tại bài phát biểu của kiểm sát viên lưu hồ sơ vụ án).

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Kháng cáo trong hạn luật định được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị P, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Hợp đồng chuyển nhượng nhà đất ngày 27/3/2013 đối với thửa đất số 24-1, tờ bản đồ số 20 tại khu 10 Thị trấn H, huyện H, tỉnh Phú Thọ và ngôi nhà trên đất giữa bà L và anh Đ, chị T được lập ngày 27/3/2013. Hợp đồng có xác nhận của UBND thị trấn H. Ông Nguyễn Đức N - nguyên Chủ tịch UBND thị trấn H thời điểm này xác nhận đã ký xác nhận hợp đồng tại trụ sở UBND thị trấn. Tuy chưa đăng ký, chưa làm thủ tục theo quy định của pháp luật nhưng các bên đã bàn giao tài sản, bên chuyển nhượng không phản đối và cũng không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo các quy định của Nhà nước về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, nên hợp đồng được Tòa án công nhận theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Mặt khác, Hợp đồng chuyển nhượng nhà đất được xác lập ngày 27/3/2013 trước ngày anh Đ, chị T vay tiền lần đầu tiên của chị Nguyễn Thị P vào tháng 11/2013, trước khi có Bản án số: 02/2018/DSST ngày 15/01/2018 của TAND huyện H, tỉnh Phú Thọ buộc chị T phải trả tiền cho chị P có hiệu lực pháp luật nên không thuộc trường hợp tẩu tán tài sản theo quy định tại Điều 24 Nghị định số: 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thi hành án dân sự. Ông T không xuất trình được chứng cứ chứng minh hợp đồng chuyển nhượng nhà, đất ngày 27/3/2013 được lập sau khi bản án số : 02/2018/DSST ngày 15/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện H có hiệu lực pháp luật. Cho nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L là đúng.

[2.2]. Vì không có thủ tục thụ lý yêu cầu độc lập nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông T chỉ là người đại diện của chị Nguyễn Thị P là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng. Không có căn cứ chứng minh Thẩm phán tự tạo ra các văn bản tố tụng để hợp pháp hóa hồ sơ. Không có căn cứ chứng minh Thẩm phán không công minh, không khách quan, cố tình vi phạm tố tụng, không căn cứ vào sự thật. Việc quá thời hạn giải quyết vụ án, việc không ra hạn thời hạn xét xử không làm ảnh hưởng đến bản chất của vụ án. Vì vậy, kháng cáo không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm trong việc tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự.

[3]. Án phí phúc thẩm: Kháng cáo không được chấp nhận nên chị P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên!.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

[1]. Không chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị P. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 03/2019/DS-ST ngày 22/8/2019 của

Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ khoản 1,2 điều 132, điều 129, điều 500, khoản 1 điều 688 – BLDS 2015; khoản 12 điều 26, khoản 1 điều 147, khoản 1 điều 228 – BLTTDS; khoản 1 điều 75 Luật THADS; khoản 1 điều 188 Luật đất đai 2013; khoản 2 điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị L.

Xác định diện tích đất 56m² tại thửa số 24-1, tờ bản đồ số 20 - Khu 10 Thị trấn H, huyện H, tỉnh Phú Thọ (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BL853510 do UBND huyện H cấp ngày 09/8/2012 đứng tên chủ hộ Nguyễn Đức Đ) và 01 ngôi nhà xây cấp 4 hai tầng cùng công trình phụ tọa lạc trên đất thuộc quyền sử dụng và sở hữu của bà Hoàng Thị L.

Các bên đương sự có nghĩa vụ kê khai với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Hoàng Thị L khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đức Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Hoàn trả cho bà Hoàng Thị L 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số AA/2016/0003686 ngày 14/12/2018 tại Chi cục THADS huyện H.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[2]. Án phí phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002007 ngày 11/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Phú Thọ.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND T. Phú Thọ;
- Chi cục THADS huyện H;
- TAND huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Việt Tiến